

BẢNG TÍNH SỐ LIỆU TIỀN NƯỚC KTX NHÀ K6 NĂM 2015

Tháng 1 năm 2015

TT	Số phòng	Số HS ở phòng	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ	Số dư	Đơn giá (11.500*10%)	Thành tiền	Ký nộp
1	101	8	434	445	11	12.650	139.150	
2	102	8	514	517	3	12.650	37.950	
3	103	7	796	804	8	12.650	101.200	
4	104	7	436	448	12	12.650	151.800	
5	105	8	834	850	16	12.650	202.400	
6	106	8	681	685	4	12.650	50.600	
7	107	PSHC				12.650	0	
8	108					12.650	0	
9	109	6	846	859	13	12.650	164.450	
10	110	8	594	598	4	12.650	50.600	
11	111	8	633	639	6	12.650	75.900	
12	112	8	743	762	19	12.650	240.350	
13	113	8	816	820	4	12.650	50.600	
14	114	8	726	751	25	12.650	316.250	
15	201	8	981	990	9	12.650	113.850	
16	202	LHS	857			12.650	0	
17	203	LHS	951	971	20	12.650	253.000	
18	204	8	587	601	14	12.650	177.100	
19	205	8	898	906	8	12.650	101.200	
20	206	8	840	856	16	12.650	202.400	
21	207	3	834	852	18	12.650	227.700	
22	208	LHS	630			12.650	0	
23	209	8	823			12.650	0	
24	210	LHS	1247	1280	33	12.650	417.450	
25	211	8	938	953	15	12.650	189.750	
26	212	LHS	719	733	14	12.650	177.100	
27	213	8	894	916	22	12.650	278.300	
28	214	7	537	543	6	12.650	75.900	
29	301	LHS	615	630	15	12.650	189.750	
30	302	7	720	736	16	12.650	202.400	
31	303	6	741	752	11	12.650	139.150	
32	304	8	773	785	12	12.650	151.800	
33	305	8	623	627	4	12.650	50.600	
34	306	8	732	738	6	12.650	75.900	
35	307	PSHC				12.650	0	
36	308					12.650	0	
37	309	8	680	691	11	12.650	139.150	
38	310	8	701	715	14	12.650	177.100	

39	311	8	831	849	18	12.650	227.700
40	312	8	631	646	15	12.650	189.750
41	313	8	598	612	14	12.650	177.100
42	314	8	748	767	19	12.650	240.350
43	401	0	604	615	11	12.650	139.150
44	402	8	538	556	18	12.650	227.700
45	403	8	632	649	17	12.650	215.050
46	404	8	427	435	8	12.650	101.200
47	405	8	513	526	13	12.650	164.450
48	406	8	547	559	12	12.650	151.800
49	407	8	546	562	16	12.650	202.400
50	408	8	490	503	13	12.650	164.450
51	409	LHS	709	726	17	12.650	215.050
52	410	8	560	578	18	12.650	227.700
53	411	8	988	1003	15	12.650	189.750
54	412	8	606	619	13	12.650	164.450
55	413	8	496	506	10	12.650	126.500
56	414	8	559			12.650	0
57	501	8	421	423	2	12.650	25.300
58	502	8	323	324	1	12.650	12.650
59	503	8	298	302	4	12.650	50.600
60	504	8	461	463	2	12.650	25.300
61	505	8	507	511	4	12.650	50.600
62	506	8	451	454	3	12.650	37.950
63	507	8	440	450	10	12.650	126.500
64	508	8	502	509	7	12.650	88.550
65	509	8	406	409	3	12.650	37.950
66	510	8	308	315	7	12.650	88.550
67	511	8	304	308	4	12.650	50.600
68	512	7	360	367	7	12.650	88.550
69	513	8	498	502	4	12.650	50.600
70	514	8	517	521	4	12.650	50.600
	Cộng	450			698		8.829.700

(Bảng chữ: Tám triệu tám trăm hai mươi chín nghìn bảy trăm đồng chẵn)

PHÒNG QUẢN TRỊ PV
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

TT DV TỔNG HỢP
TỔ KÝ TÚC XÁ

NGƯỜI ĐỌC SỐ

NGƯỜI LẬP



ThS. Ngô Xuân Hoà

Trần Xuân Nam

Dương Văn Thanh

Trần Thị Hà